

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh
Bà Tống Thị Điệp

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 15/9/2020, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 579/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lê Nhật M - Sinh năm 1963

Địa chỉ: Đường Y, tổ dân phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt

*** Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị C - Sinh năm 1966

Địa chỉ: đường D, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Lê Nhật M trình bày:** Tôi và bà Huỳnh Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1990 tại Ủy ban nhân dân phường T1, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên trong những năm gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2018 đến nay tôi và bà C đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng giữa tôi và bà C không hàn gắn được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn bà Huỳnh Thị C.

- Về con chung: Tôi và bà Huỳnh Thị C có 02 con chung

+ Lê Nhật V – Sinh năm: 1991

+ Lê Minh Q – Sinh năm: 2001

Hiện nay các con tôi đã đủ tuổi trưởng thành, có đủ năng lực hành vi và sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân. Các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Huỳnh Thị C trình bày:** Tôi và ông Lê Nhật M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1990 tại Ủy ban nhân dân phường T1, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên trong những năm gần đây ông M có mối quan hệ ngoài vợ chồng với người khác dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2018 đến nay tôi và ông M đã sống ly thân. Đối với yêu cầu ly hôn của ông M thì bản thân tôi thấy rằng, vợ chồng chúng tôi đã gắn bó từ những ngày còn rất khó khăn, nếu ông M từ bỏ ý định ly hôn thì tôi cũng tạo điều kiện để ông M quay về với gia đình, trường hợp ông M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với ông Lê Nhật M nhưng với điều kiện ông M phải để lại tài sản là nhà đất tại địa chỉ Đường Y, P.T, Tp. B, Đắk Lắk cho con là Lê Minh Q. Đối với việc ông M có mối quan hệ với người khác thì hiện nay tôi không còn chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

- Về con chung: Tôi và ông Lê Nhật M có 02 con chung

+ Lê Nhật Vinh – Sinh năm: 1991

+ Lê Minh Q – Sinh năm: 2001

Hiện nay các con tôi đã đủ tuổi trưởng thành, có đủ năng lực hành vi và sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tiến hành mở phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng bị đơn bà Huỳnh Thị C vắng mặt.

- Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Trong quá trình chung sống với nhau tại TDP 2, P. T, Tp. B, giữa vợ chồng ông Lê Nhật M và bà Huỳnh Thị C có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không biết nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa ông M và bà C. Hiện nay ông M và bà C đã sống ly thân. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Nhật M thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Ông Lê Nhật M và bà Huỳnh Thị C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/1990 tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Nhật M, ý kiến và nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy ông M, bà C đều xác định quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, tại phiên tòa ông Lê Nhật M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Huỳnh Thị C. Bà Huỳnh Thị C chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông Lê Nhật M phải để lại tài sản là nhà đất tại địa chỉ Đường Y, P. T, Tp. B, Đắk Lắk cho con là Lê Minh Q. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị C không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung của vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Lê Nhật M và bà Huỳnh Thị C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Nhật M, cho ông Lê Nhật M được ly hôn bà Huỳnh Thị C.

Về con chung: Ông Lê Nhật M và bà Huỳnh Thị C có 02 con chung là Lê Nhật V – Sinh năm: 1991; Lê Minh Q – Sinh năm: 2001. Ông Lê Nhật M và bà Huỳnh Thị C đều xác định hiện nay các cháu V, Q đã đủ tuổi trưởng thành, có đủ năng lực hành vi và sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân, ông M và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Nhật M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Huỳnh Thị C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Nhật M. Cho ông Lê Nhật M được ly hôn với bà Huỳnh Thị C.

- Về con chung: Ông Lê Nhật M và bà Huỳnh Thị C có 02 con chung là Lê Nhật V – Sinh năm: 1991 và Lê Minh Q – Sinh năm: 2001. Ông M, bà C đều xác

định các con đã đủ tuổi trưởng thành, có đủ năng lực hành vi và sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Nhật M và bà Huỳnh Thị C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Lê Nhật M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008414 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Bà Huỳnh Thị C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND P. T1, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang